

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ TÀ ĐÙNG

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ II NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /7/2026 của UBND xã Tà Đùng)

Đơn vị: Đồng

STT	Nội dung	Dự toán giao đầu năm 2026	Thực hiện Quý II năm 2026	So sánh (%)
A	B	1	2	3=2/1
I	THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN XÃ	20.125.000.000	25.101.068.390	124,73
1	Thu nội địa	20.125.000.000	25.101.068.390	124,73
2	Thu viện trợ			
II	THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	188.384.000.000	179.045.951.362	95,04
1	Thu ngân sách hưởng theo phân cấp	18.879.000.000	24.547.189.410	130,02
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	169.505.000.000	112.322.788.100	66,27
3	Thu chuyển nguồn		40.693.692.944	
4	Thu kết dư ngân sách		1.482.280.908	
III	CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	188.384.000.000	97.696.647.576	51,86
1	Chi đầu tư phát triển	6.135.000.000	3.129.563.460	0,51
2	Chi thường xuyên	179.409.000.000	94.567.084.116	52,71
3	Dự phòng ngân sách	2.840.000.000	-	
4	Chi nộp ngân sách cấp trên			

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ TÀ ĐÙNG**

THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ QUÝ II NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /7/2026 của UBND xã Tà Đùng)

Đơn vị: Đồng

STT	Nội dung	Dự toán giao đầu năm 2026	Thực hiện Quý II năm 2026	So sánh (%)
A	B	1	2	3=2/1
A	THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN XÃ	20.125.000.000	25.101.068.390	124,73
I	Thu nội địa	20.125.000.000	25.101.068.390	124,73
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước trung ương	-		
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước địa phương	410.000.000	-	-
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài			
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	4.650.000.000	12.850.649.567	276,36
5	Thuế thu nhập cá nhân	2.755.000.000	2.030.628.469	73,71
6	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	5.000.000	3.998.254	79,97
7	Thuế bảo vệ môi trường			
8	Lệ phí trước bạ	9.000.000.000	7.033.229.034	78,15
9	Thu phí, lệ phí	280.000.000	89.960.000	32,13
10	Các khoản thu về nhà, đất	1.975.000.000	2.591.945.358	131,24
-	Thu tiền sử dụng đất	1.975.000.000	2.426.404.550	122,86
-	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước		165.540.808	
11	Thu khác ngân sách	1.050.000.000	500.657.708	47,68
-	Thu tài chính	1.050.000.000	500.657.708	47,68
-	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản			
II	Thu viện trợ			
B	THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	188.384.000.000	179.045.951.362	95,04
1	Thu hưởng theo phân cấp	18.879.000.000	24.547.189.410	130,02
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	169.505.000.000	112.322.788.100	66,27
3	Thu chuyển nguồn		40.693.692.944	
4	Thu kết dư ngân sách		1.482.280.908	

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ TÀ ĐÙNG

THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ II NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /7/2026 của UBND xã Tà Đùng)

Đơn vị: Đồng

STT	Nội dung	Dự toán giao đầu năm 2026	Thực hiện Quý II năm 2026	So sánh (%)
A	B	1	2	3=2/1
	TỔNG CỘNG	188.384.000.000	97.696.647.576	51,86
I	Chi đầu tư phát triển	6.135.000.000	3.129.563.460	51,01
II	Chi thường xuyên	179.409.000.000	94.567.084.116	52,71
	<i>Trong đó:</i>			
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	118.391.800.000	61.599.123.744	52,03
2	Chi khoa học và công nghệ	1.417.000.000	30.000.000	2,12
3	Chi quốc phòng	5.323.000.000	2.745.377.148	51,58
4	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	1.360.000.000	631.964.500	46,47
5	Chi y tế, dân số và gia đình	3.970.913.508	1.855.239.654	46,72
6	Chi văn hóa thông tin	803.648.000	339.634.000	42,26
7	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	336.432.000		-
8	Chi thể dục thể thao	336.432.000	196.131.110	58,30
9	Chi bảo vệ môi trường	2.150.000.000	133.906.280	6,23
10	Chi các hoạt động kinh tế	12.064.967.476	9.355.053.296	77,54
11	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	25.930.131.896	15.153.333.014	58,44
12	Chi bảo đảm xã hội	4.216.200.000	2.527.321.370	59,94
13	Chi thường xuyên khác	3.108.475.120		-
III	Dự phòng ngân sách	2.840.000.000	-	-
IV	Chi nộp ngân sách cấp trên			